

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ THÀNH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
NHÀ XƯỞNG – KHO BÃI THIẾT BỊ
PHÚ THÀNH

Châu Thành, tháng 5 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ THÀNH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
NHÀ XƯỞNG – KHO BÃI THIẾT BỊ
PHÚ THÀNH**

CHỦ CƠ SỞ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tân Thành

Châu Thành, tháng 5 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước tại cơ sở	9
1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tại cơ sở	9
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng	9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	10
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	10
1.5.2. Danh mục trang thiết bị, máy móc, tổng vốn đầu tư của cơ sở, số lượng lao động và thời gian hoạt động tại cơ sở	11
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	12
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	13
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt	17

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	17
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	18
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	20
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	22
5.1. Thành phần môi trường quan trắc trong quá trình lập báo cáo.....	22
5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở	22
5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	23
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	24
6.2. Chương trình quan trắc chất thải.....	24
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	24
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	25
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	26
PHỤ LỤC KÈM THEO.....	27

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRS	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
NĐ	Nghị định
NM	Nước mặt
MTV	Một thành viên
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	Quyết định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở trong quá trình hoạt động.....	9
Bảng 1.2. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu, vật tư	9
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình của cơ sở	10
Bảng 1.4. Danh mục trang thiết bị, máy móc tại cơ sở	11
Bảng 3.1. Hệ số ô nhiễm của các chất trong từng loại que hàn	16
Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTCNTT	17
Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh	18
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép.....	20
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép	21
Bảng 5.1. Khối lượng mẫu quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	22
Bảng 5.2. Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở	22
Bảng 5.3. Chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.....	23

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 1.1. Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh	6
Hình 1.2. Quy trình sửa chữa xe công trình tại cơ sở	7
Hình 1.3. Quy trình gia công sắt thép tại cơ sở.....	8
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	13
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát và xử lý nước thải tại cơ sở	14
Hình 3.3. Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.....	15

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành.
- Địa chỉ văn phòng: Số 02, Phan Đình Phùng, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Nguyễn Vũ Lang, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Điện thoại: 0294.3867117; Fax: 0294.3867717
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: mã số doanh nghiệp 2100323054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp đăng ký lần đầu ngày 18/5/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 30/9/2021; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: mã số địa điểm kinh doanh 00001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/10/2015.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **NHÀ XƯỞNG - KHO BÃI THIẾT BỊ PHÚ THÀNH**
- Địa điểm cơ sở: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 7). Túr cận tiếp giáp của cơ sở như sau:
 - + Phía Bắc: giáp đường Nguyễn Thiện Thành;
 - + Phía Nam: giáp đất dân;
 - + Phía Đông: giáp nhà dân;
 - + Phía Tây: giáp kênh thủy lợi;

Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh được thể hiện qua hình sau:



Hình 1.1. Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh

- Quy mô của cơ sở:
 - + Theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14¹: căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 8 Mục III của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP², cơ sở có tổng vốn đầu tư là 2,0 tỷ đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*). Theo Luật Đầu tư công, cơ sở thuộc điểm h khoản 3 Điều 8 và khoản 2 Điều 10: cơ sở thuộc **NHÓM C**.
 - + Theo Luật Bảo vệ môi trường³: căn cứ theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP⁴, cơ sở được xác định thuộc **NHÓM III**; căn cứ khoản 2 Điều 39 và khoản 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xem xét, thẩm định và cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, công suất của cơ sở bao gồm công suất của các hoạt động như sau:

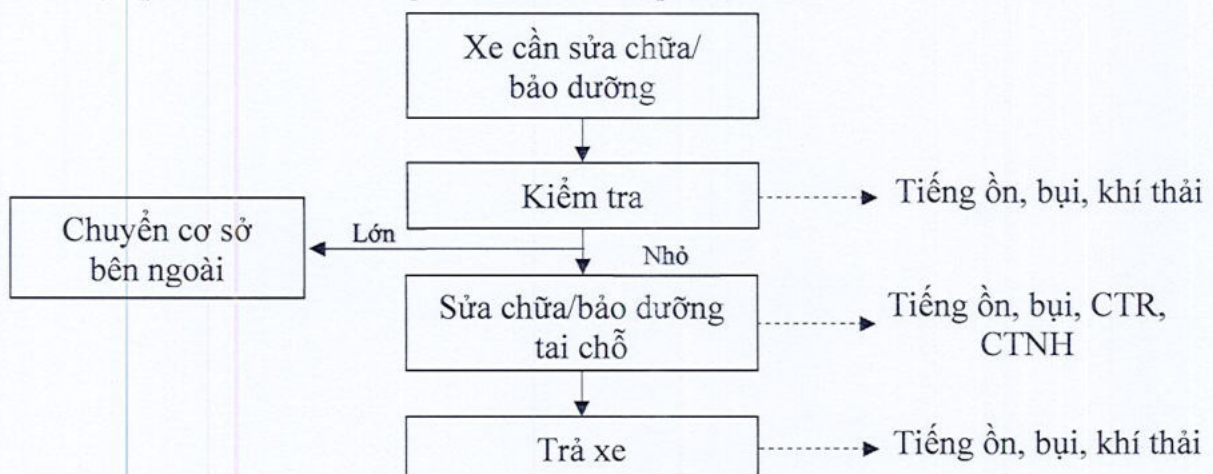
- Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe công trình (xe trộn bê tông, xe bơm bê tông, xe ben) với số lượng khoảng 07 chiếc/tháng;
- Hoạt động gia công sắt thép phục vụ cho các công trình xây dựng khoảng 1,0 tấn/năm và hoạt động của kho bãi lưu chứa vật tư, thiết bị.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Công nghệ sản xuất của cơ sở là các quy trình hoạt động của cơ sở, được thể hiện qua các hình sau:

a. Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe công trình:

Tại cơ sở có thực hiện hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe công trình trạm trộn bê tông, quy trình hoạt động được thể hiện qua hình sau:



Hình 1.2. Quy trình sửa chữa xe công trình tại cơ sở

¹ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019.

² Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

³ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

⁴ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

*** Thuyết minh quy trình:**

Xe công trình của Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành tập kết tại nhà xưởng để thực hiện các hoạt động sửa chữa/bảo dưỡng, bao gồm các loại xe: xe ben, xe trộn bê tông và xe bơm bê tông. Xe sau khi được tập kết sẽ được công nhân kiểm tra trước khi sửa chữa để xác định bộ phận và mức độ hư hỏng. Đối với các sửa chữa nhỏ như: thay phanh, hàn mối nhỏ, sơn vỏ, thay lốp,... được công nhân tiến hành sửa chữa/bảo dưỡng tại chỗ; đối với các sửa chữa lớn liên quan đến phần máy được chuyển lên các cơ sở bên ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. Hoạt động bảo dưỡng được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần, tại cơ sở không thực hiện hoạt động thay nhớt định kỳ cho các xe công trình, hoạt động này được thực hiện ở các cơ sở bên ngoài.

b. Hoạt động gia công sắt thép và kho bãi lưu chứa thiết bị và hoạt động của kho bãi lưu chứa vật tư, thiết bị:

Tại cơ sở có xây dựng 01 xưởng hàn để thực hiện hoạt động gia công sắt thép và kho chứa vật tư, thiết bị, nhiên liệu phục vụ các công trình xây dựng bên ngoài của cơ sở. Quy trình hoạt động được thể hiện theo hình sau:



Hình 1.3. Quy trình gia công sắt thép tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Sắt thép nguyên liệu được nhập về từ các cơ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh, đưa vào xưởng hàn. Tùy theo nhu cầu sử dụng của các công trình xây dựng mà xưởng hàn sẽ thực hiện gia công sắt thép nguyên liệu (cắt, hàn) theo quy cách và số lượng cần thiết. Sau khi gia công, sản phẩm sẽ được bàn giao cho các công trình xây dựng.

Tại cơ sở có bố trí kho bãi chứa vật tư, thiết bị, nhiên liệu phục vụ cho các công trình xây dựng. Thiết bị, máy móc đang được lưu chứa tại kho chứa chủ yếu là: máy đầm, máy so nền, motor điện, máy phát điện dự phòng, các thiết bị của trạm trộn bê tông và xe bơm bê tông,... Các vật tư nhập về phụ thuộc vào khối lượng công việc của từng công trình xây dựng. Nhiên liệu chủ yếu là nhớt (cal) nhập về dùng để phục vụ cho hoạt động thay nhớt hoặc châm thêm nhớt cho các xe tại các công trình xây dựng, hoạt động này được thực hiện bởi nhân công được thuê bên ngoài. Thiết bị, máy móc sau khi kết thúc công trình xây dựng sẽ được đem về lưu chứa tại kho bãi chứa của cơ sở.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở trong quá trình hoạt động

Stt	Sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Xe được sửa chữa/bảo dưỡng	Xe/năm	84
2	Sắt thép được gia công	Tấn/năm	0,9

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước tại cơ sở**1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tại cơ sở**

Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư phục vụ cho các hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu, vật tư

Stt	Nguyên, nhiên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Sắt thép nguyên liệu	Tấn/năm	1,0	Các cơ sở cung cấp tại Trà Vinh, Tp. Hồ Chí Minh
2	Thùng que hàn (thùng 10 kg)	Thùng/năm	6	
3	Nhớt (cal 200 lít)	Cal/năm	7	
4	Lốp xe	Cái/năm	70	
5	Phụ tùng (bố thắng, bu lông,...)	Cái/năm	20	
6	Thùng sơn (thùng 18 lít)	Thùng/năm	10	
7	Vật tư, phụ tùng khác	Tấn/năm	1,0	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng

- Nguồn cung cấp điện năng: được lấy từ mạng lưới điện quốc gia. Chủ cơ sở có lắp đặt trạm hạ thế 320 kVA từ mạng lưới điện quốc gia kết nối vào hệ thống điện nội bộ của cơ sở.

- Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở trung bình khoảng 1.900 kWh/tháng phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt, chiếu sáng, các thiết bị sử dụng điện tại nhà xưởng.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp nước: được lấy từ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: tại cơ sở không phát sinh nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sản xuất, nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của 10 công nhân khoảng 1,54 m³/ngày, tương đương khoảng 40 m³/tháng (dựa theo theo hóa đơn tiền nước trong 03 tháng gần nhất).

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở**

Cơ sở hoạt động trên tổng diện tích là 1.160 m² với các hạng mục công trình được bố trí như sau:

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
I	Hạng mục công trình chính	799,0	68,88
1	Nhà bảo vệ	9,0	0,78
2	Nhà để xe nhân viên	30,0	2,59
3	Xưởng hàn	200,0	17,24
4	Kho bãi chứa thiết bị, vật tư	280,0	24,13
4.1	<i>Kho kín chứa vật tư</i>	<i>200,0</i>	<i>17,24</i>
4.2	<i>Nhà kho</i>	<i>50,0</i>	<i>4,31</i>
4.3	<i>Nhà kho vật tư</i>	<i>10,0</i>	<i>0,86</i>
4.4	<i>Khu vực chứa thiết bị</i>	<i>20,0</i>	<i>1,72</i>
5	Xưởng sửa chữa xe cơ giới	280,0	24,14
5.1	<i>Bãi sửa chữa xe cơ giới</i>	<i>100,0</i>	<i>8,62</i>
5.2	<i>Xưởng tole (phun sơn)</i>	<i>180,0</i>	<i>15,52</i>
II	Hạng mục công trình phụ	276,92	23,87
1	Đường đi nội bộ	276,92	23,87
2	Hệ thống cấp nước	-	
3	Hệ thống cấp điện	-	
III	Hạng mục công trình BVMT	84,08	7,25
1	Nhà vệ sinh + Hàm tự hoại 03 ngăn (01 hầm)	4,08	0,36
2	Khu vực chứa CTNH	60,0	5,17
3	Khu vực chứa CTRTT	20,0	1,72
Tổng cộng (I + II + III)		1.160,0	100,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

1.5.2. Danh mục trang thiết bị, máy móc, tổng vốn đầu tư của cơ sở, số lượng lao động và thời gian hoạt động tại cơ sở**a. Danh mục trang thiết bị, máy móc tại cơ sở:**

Danh mục trang thiết bị, máy móc phục vụ các hoạt động tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục trang thiết bị, máy móc tại cơ sở

Stt	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Năm đưa vào sử dụng (%)
I	Thiết bị, máy móc sử dụng tại cơ sở				
1	Máy bơm hơi (bình 100 lít)	Cái	02	Trung Quốc	2015
2	Máy hàn 300A	Cái	04	Trung Quốc	2015
3	Máy cắt (2Hp)	Cái	02	Trung Quốc	2015
II	Thiết bị tại kho chứa				
4	Máy đầm	Cái	02	Trung Quốc	2015
5	Motor điện	Cái	05	Việt Nam	2015
6	Máy so nèn	Cái	02	Thái Lan	2015
7	Máy phát điện	Cái	02	Trung Quốc	2015

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

b. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, số lượng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 2,0 tỷ đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*), nguồn vốn từ 100% của chủ cơ sở.
- Số lượng lao động hiện hữu: 10 người.
- Thời gian hoạt động của cơ sở: 06 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 7), từ 7 giờ - 17 giờ mỗi ngày.

Chương II**SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG****2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Cơ sở hoạt động góp phần thúc đẩy các hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, từ đó góp phần phát triển cho các công trình xây dựng, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nguồn lao động tại địa phương. Qua đó, hoạt động của cơ sở sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực, phù hợp theo Quyết định số 1443/QĐ-TTg, ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2023 và Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND huyện Châu Thành về việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2023.

- Về vị trí của cơ sở: cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích 1.160 m² (thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 7), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Đất được chủ cơ sở thuê theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất. Trong đó, đất được thuê có mục đích sử dụng là đất trồng màu, chủ sở hữu đất cam kết chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa phù hợp sang đất có mục đích sử dụng phù hợp với loại hình hoạt động của cơ sở đang được cho thuê.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dựa theo loại hình hoạt động của cơ sở, các nguồn tác động phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là tiếng ồn, bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt và chất thải rắn. Cụ thể:

- Tiếng ồn, bụi và khí thải: phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, từ hoạt động của các thiết bị, máy móc trong quá trình sửa chữa xe, hàn kim loại. Khu vực xưởng hàn và khu vực sửa xe được bố trí riêng, xung quanh cơ sở có tường bao quanh nên hạn chế được tiếng ồn, bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động ảnh hưởng đến khu vực sinh sống của người dân xung quanh cơ sở;

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, với khối lượng nước thải phát sinh rất ít khoảng 1,23 m³/ngày, được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn, tự thấm vào môi trường tiếp nhận;

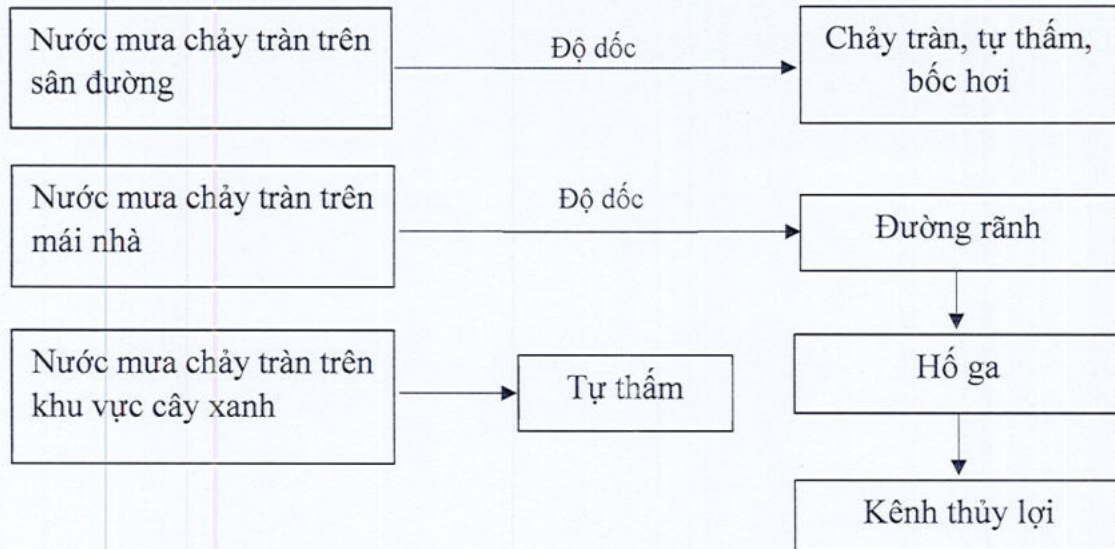
- Chất thải rắn: toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh bao gồm CTRSH, CTCNTT sẽ được thu gom và xử lý, không để phát tán ra môi trường xung quanh.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

*** Thuyết minh quy trình:**

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường theo độ dốc chảy tràn, tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà theo độ dốc chảy xuống mặt đất, phía dưới mặt đất có bố trí đường rãnh thu gom được xây bằng gạch, rãnh thoát nước có chiều rộng 0,5 m. Nước mưa theo đường rãnh thu gom thoát ra hố ga ở phía sau cơ sở. Tại cơ sở có xây dựng 02 hố ga thoát nước mưa, xây bằng gạch có nắp đậy, kích thước (Dài x Rộng x Sâu) là (1,0x1,0x1,2) m. Điểm thoát nước mưa ra nguồn tiếp nhận tại cơ sở có tọa độ: X(m)=1097628, Y(m)=594096, tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực cây xanh tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải: Hàm tự hoại 03 ngăn, số lượng: 01 hàm, thể tích 4,0 m³, kết cấu bê tông, nắp đậy kiên cố.

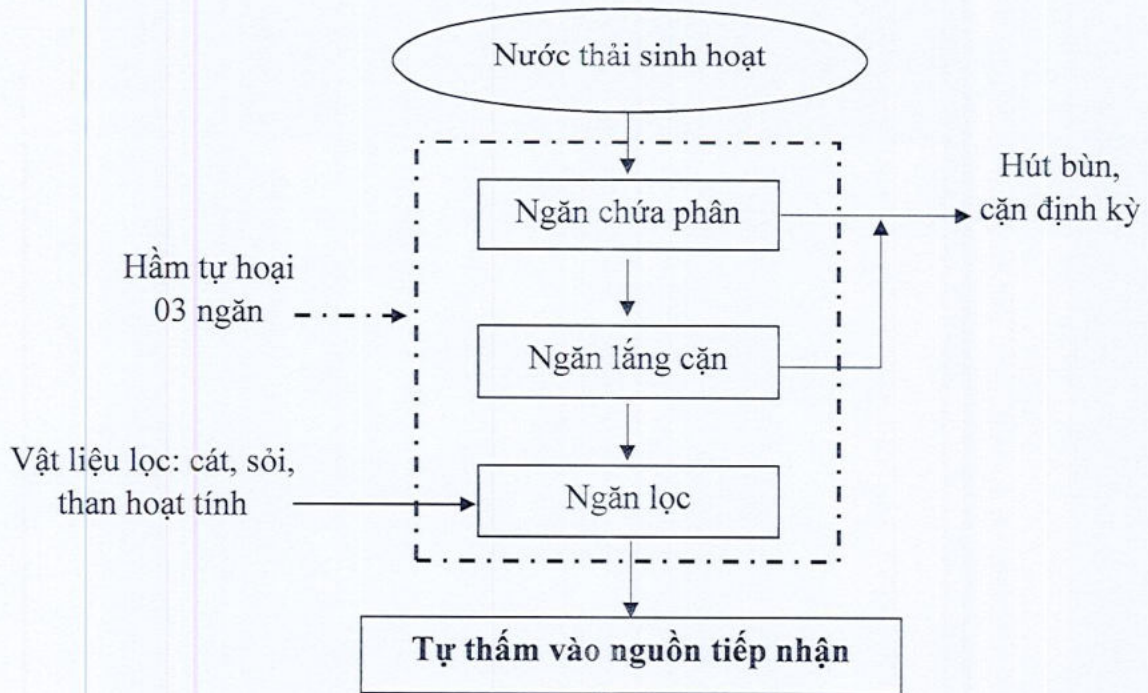
- Công trình thoát nước thải: nước thải được lưu chứa trong hàm tự hoại, tự thấm vào môi trường tiếp nhận, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút hàm, tần suất 6 tháng/lần.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: hàm tự hoại, tọa độ X(m)=1097658, Y(m)=594182 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiếu 3⁰), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3.1.3. Xử lý nước thải

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 1,23 m³/ngày.đêm (ước tính tỷ lệ thu gom đạt 80 % lượng nước cấp sinh hoạt). Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và dẫn về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý bằng công nghệ xử lý sinh học yếm khí.

- Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:



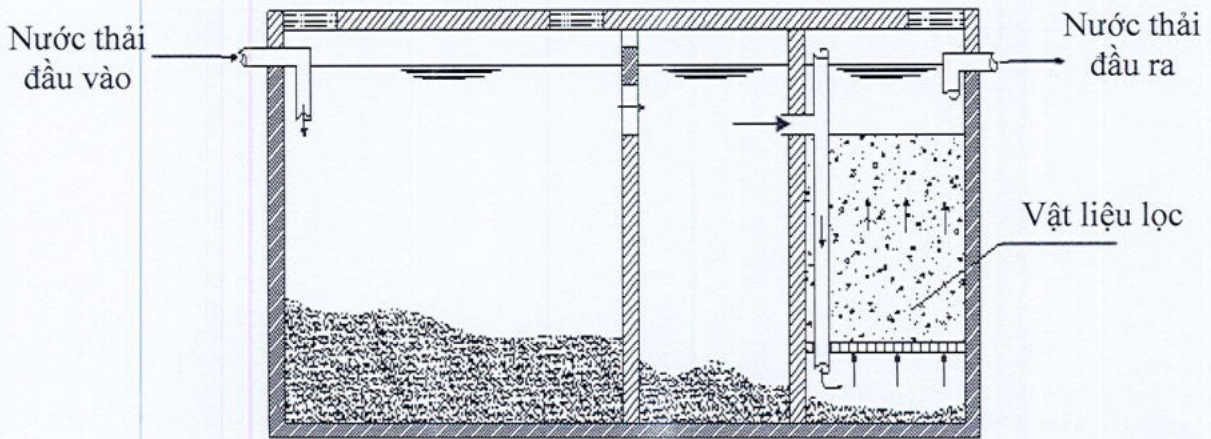
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát và xử lý nước thải tại cơ sở

* Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt được thu gom từ nhà vệ sinh, sau đó dẫn về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý. Tại đây, nước thải lần lượt đi qua các ngăn trong hầm, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy hầm. Hầm tự hoại được xây dựng bằng bê tông, có 03 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng, ngăn lọc (thực hiện 03 chức năng lắng cặn, phân hủy cặn và lọc nước). Quá trình xử lý trong hầm tự hoại chủ yếu là quá trình phân hủy kỵ khí. Trong hầm tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình phân hủy kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở tương đối ít, được lưu chứa trong hầm tự hoại và tự thấm vào môi trường tiếp nhận. Để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại, chủ cơ sở định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị chức năng hút bùn, cặn lắng trong hầm với tần suất 06 tháng/lần.

- Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn:



Hình 3.3. Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Tính toán kích thước hầm tự hoại 03 ngăn:

$$\text{Thể tích phân lắng: } W_a = Q \times T \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó: Q: Lưu lượng nước thải (khoảng 1,23 m³/ngày)

T: Thời gian lưu nước trong bể (02 ngày)

Như vậy thể tích phân lắng là: $W_a = 1,23 \times 2 = 2,46 \text{ m}^3$

Thể tích phân chứa bùn:

$$W_b = \frac{b \times N}{1000}$$

Trong đó: b - Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn (50 lít/người)

N - Số công nhân viên (tính cho 10 người)

→ Thể tích phân chứa bùn là: $W_b = 0,5 \text{ m}^3$

Kết quả thể tích của bể tự hoại là: $W = W_a + W_b = 2,46 + 0,5 = 2,96 \text{ m}^3$.

→ Như vậy, thể tích hầm tự hoại cơ sở đã xây dựng là 4,0 m³ đủ khả năng thu gom và xử lý sơ bộ toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở từ các hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở; hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe và hoạt động hàn kim loại tại nhà xưởng.

a. Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu, vật liệu, xe công trình đến sửa chữa/bảo dưỡng và các phương tiện của công nhân ra vào cơ sở. Một số công trình, biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở được thực hiện như sau:

- Bê tông hóa đường giao thông nội bộ, bố trí cây xanh ở khu vực phía trước và phía sau cơ sở để hạn chế bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh, tưới ướt sân đường vào những ngày nắng nóng nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi phát sinh từ các phương tiện ra vào cơ sở;
- Xe vận chuyển nguyên, nhiên liệu, vật liệu chuyên chở không vượt quá tải trọng cho phép, các xe công trình phải được kiểm định định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định;

b. Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe và hàn kim loại

Trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng xe, hoạt động cắt, hàn kim loại tại nhà xưởng, bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn như sau:

- Quá trình nổ máy để kiểm tra xe: phát sinh bụi và khí thải (SO_2 , NO_x , CO , VOC ,...);
- Quá trình tháo dỡ, lắp ráp thiết bị, gia công các chi tiết kim loại: phát sinh bụi trong quá trình tháo dỡ, lắp ráp thiết bị và trong quá trình gia công các chi tiết kim loại;
- Quá trình sơn bề mặt các chi tiết của xe bị hư hỏng: quá trình này làm phát sinh bụi sơn và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC). Quá trình này diễn ra không liên tục, các chi tiết sơn cũng không nhiều do đó hoạt động này chỉ gây ảnh hưởng nhiều đến công nhân lao động trực tiếp;
- Quá trình cắt, hàn kim loại: phát sinh bụi kim loại, bụi khói hàn và khí thải từ quá trình đốt cháy que hàn (CO , NO_x ,...). Trong đó, tác nhân gây tác động lớn nhất đến sức khỏe của con người và môi trường xung quanh là bụi khói hàn. Nồng độ các chất ô nhiễm được tổng hợp như sau:

Bảng 3.1. Hệ số ô nhiễm của các chất trong từng loại que hàn

Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
	2,5	3,25	4	5	6
Khói hàn (mg/que hàn)	285	508	706	1.100	1.578
CO (mg/que hàn)	10	15	25	35	50
NO_x (mg/que hàn)	12	20	30	45	70

(Nguồn: Ô nhiễm môi trường không khí, GS.TS Phạm Ngọc Đăng, 2004)

Do nhu cầu sử dụng que hàn tại cơ sở không lớn, khu vực hàn được bố trí thông thoáng, vì vậy tải lượng các chất khí được phát sinh từ công đoạn hàn là tương đối thấp, hoạt động này đa phần sẽ gây tác động lớn đối với công nhân lao động trực tiếp. Vì vậy, chủ cơ sở cần có các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của hoạt động này đến công nhân thi công trực tiếp và những người lao động trong khu vực nhà xưởng.

*** Một số công trình, biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe và hàn kim loại được thực hiện như sau:**

- Bố trí các khu vực sửa chữa, bảo dưỡng xe, khu vực sơn và xưởng hàn riêng biệt, thông thoáng;
- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động như: găng tay, khẩu trang, mắt kính,... cho người lao động trực tiếp tại các khu vực này;
- Bố trí nhà xưởng thông thoáng, đảm bảo không khí trong khu vực nhà xưởng luôn được lưu thông;
- Trong quá trình phun sơn, cắt, hàn kim loại cần chú ý đến hướng gió để tránh bụi sơn, mùi hôi, bụi hàn và khói thải ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động;
- Thường xuyên làm vệ sinh, quét dọn trong khu vực sửa chữa, bảo dưỡng xe và khu vực nhà xưởng hàn, định kỳ 01 tuần/lần;

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt

- Thành phần và khối lượng phát sinh: khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 4,0 kg/ngày, tương đương khoảng 104 kg/tháng; với thành phần phát sinh bao gồm: vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, vỏ trái cây, rau, củ, quả,...
- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: bố trí 02 thùng chứa bằng nhựa HDPE, loại 240 lít, có nắp đậy, bố trí ở khu vực cổng rào và đường đi nội bộ để thu gom CTRSH hàng ngày.
- Đơn vị thu gom và xử lý: HTX Xây dựng – Môi trường Trà Vinh thu gom và xử lý định kỳ 03 lần/tuần.

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Quá trình hoạt động của cơ sở sẽ làm phát sinh CTCNTT như: sắt thép vụn; lớp xe hư hỏng; phụ tùng, vật tư hư hỏng; thùng carton với khối lượng 66 kg/tháng, tương đương khoảng 792 kg/năm.

Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTCNTT

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Sắt thép vụn	12,0	144
2	Lớp xe hư hỏng	30,0	360
3	Thùng carton	4,0	48
4	Phụ tùng, vật tư hư hỏng	20,0	240
Tổng cộng (1 + 2 + 3 + 4)		66,0	792

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

*** Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTRCNTT:**

- Bố trí khu vực chứa CTRCNTT với diện tích khoảng 20 m², kết cấu nền lót đá, mái tole;
- Thu gom, phân loại CTRCNTT thành 02 loại: loại có thể tái chế và loại không thể tái chế, đưa vào khu vực chứa;
- Biện pháp xử lý: đối với loại có thể tái chế, được thu gom và định kỳ bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu với tần suất 06 tháng/lần; đối với loại không thể tái chế (chủ yếu là lốp xe hư hỏng) được thu gom và lưu chứa, khi đủ số lượng sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Thành phần và khối lượng phát CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2,0
2	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/Lỏng	08 01 01	4,0
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	15 02 05	4,0
Tổng cộng (1 + 2 +3)				10,0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

*** Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:**

- CTNH được thu gom, lưu giữ trong các dụng cụ chứa và đặt trong khu vực chứa CTNH, bố trí khu vực chứa với diện tích khoảng 60,0 m², nền bê tông, mái tole;
- Bố trí thùng chứa CTNH: bố trí 01 thùng bằng nhựa HDPE, 120 lít có nắp đậy, được dán nhãn, dùng để chứa bóng đèn huỳnh quang thải; bố trí 01 thùng phuy bằng sắt, có dung tích 200 lít, có nắp đậy dùng để chứa dầu nhớt thải; đối với cặn sơn được thu gom vào các thùng sơn đã sử dụng, đậy nắp và đưa vào khu vực chứa.
- Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa và đưa vào kho chứa, khi đủ khối lượng chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng Thông tư 02/2022/BTNMT⁵ ngày 10/01/2022.

⁵ Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động ra vào của các phương tiện giao thông, tiếng ồn từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe và hoạt động cắt, hàn kim loại. Tác động của hoạt động này ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực xung quanh cơ sở. Một số công trình, biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn như sau:

- Sắp xếp khu vực tập kết xe, thường xuyên nhắc nhở các phương tiện giao thông ra vào cơ sở phải tắt máy trong thời gian chờ;
- Bố trí khu vực để xe hợp lý cho xe máy của khách hàng, công nhân viên, xe tải giao hàng;
- Các phương tiện vận chuyên, máy móc, thiết bị phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định;
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị như máy hàn, máy cắt,... kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay thế các chi tiết hư hỏng kịp thời;
- Hạn chế hoạt động vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến người dân sinh sống xung quanh.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc, nhất là khẩu trang, kính bảo hộ và găng tay;
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc theo đúng quy định;
- Khám sức khỏe định kỳ cho công nhân, tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Tại cơ sở có trang bị 04 bình chữa cháy (02 bình CO₂ loại 3,0 kg và 02 bình dạng bột loại 4,0 kg) được bố trí tại khu vực nhà để xe và trong nhà xưởng;
- Bố trí các thiết bị sử dụng điện hợp lý, cầu dao điện tuân thủ các biện pháp an toàn về điện;
- Phối hợp thường xuyên với lực lượng PCCC để tham gia các lớp tập huấn về PCCC và yêu cầu công nhân viên tuân thủ các quy định về PCCC;

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân;
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: khoảng 1,23 m³/ngày.đêm;
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý thoát ra nguồn tiếp nhận.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1)
1.	pH	-	5 - 9
2.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
5.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/l	10
6.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/l	50
7.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
8.	Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)	mg/l	10
9.	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận:
 - + Vị trí xả nước thải: hầm tự hoại, tọa độ X(m)=1097658, Y(m)=594182 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - + Phương thức xả thải: tự thấm.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: môi trường đất tại khu vực.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: từ các phương tiện giao thông ra vào và hoạt động của các máy móc, thiết bị.
- Giá trị giới hạn đối với thông số tiếng ồn được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặt biệt	dBA	55	45
2	Khu vực thông thường	dBA	70	55

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thành phần môi trường quan trắc trong quá trình lập báo cáo

Khối lượng mẫu môi trường quan trắc trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở được trình bày theo bảng sau:

Bảng 5.1. Khối lượng mẫu quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo tại cơ sở

Stt	Tên mẫu	Đơn vị tính	Số lượng	Ký hiệu mẫu	Địa điểm lấy mẫu	Hệ tọa độ VN2000	
						X(m)	Y(m)
1	Môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở	Mẫu	01	KK1	Bên trong xưởng	1097679	594125
2	Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	Mẫu	01	KK2	Trước cổng cơ sở	1097726	594121

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành, 2023)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Kết quả quan trắc môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở được trình bày qua bảng sau:

Bảng 5.2. Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT ⁶
1	Tiếng ồn	dBA	71,6	85 ^(*)
2	Bụi toàn phần	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	34,34	8.000 ^(**)
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	85,42	5.000
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	81,05	5.000
5	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	4.218	20.000

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ, 2022)

Ghi chú: - Giá trị giới hạn của thông số ^(*) theo QCVN 24:2016/BYT⁷;

- Giá trị giới hạn của thông số ^(**) theo QCVN 02:2019/BYT⁸;

* Nhận xét:

Qua kết từ bảng trên cho thấy, các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, QCVN 03:2019/BYT và QCVN 02:2019/BYT.

⁶ QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, giới hạn tiếp xúc ca làm việc.

⁷ QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn-Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, thời gian tiếp xúc 8 giờ.

⁸ QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn được trình bày qua bảng sau:

Bảng 5.3. Chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT ⁹
1	Tiếng ồn	dB(A)	68,4	70 ^(*)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	22,94	300
3	SO ₂	µg/m ³	80,98	350
4	NO ₂	µg/m ³	77,40	200
5	CO	µg/m ³	3.862	30.000

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Cần Thơ, 2022)

Ghi chú: - Giá trị giới hạn của thông số ^(*) theo QCVN 26:2010/BTNMT¹⁰.

*** Nhận xét:**

Qua kết từ bảng trên cho thấy, các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

⁹ QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

¹⁰ QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Chương VI**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ****6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

Cơ sở có công trình xử lý nước thải bằng hầm tự hoại 03 ngăn, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, công trình xử lý nước thải tại cơ sở thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải

a. Quan trắc nước thải định kỳ: theo khoản 2 Điều 111 của Luật BVMT và theo cột 5, số thứ tự thứ 3 của Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Công văn số 1118/STNMT-QLMT ngày 17/4/2023 về việc phổ biến Công văn số 964/KSONMT-CN&NH của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục: dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có mức lưu lượng xả nước thải thấp hơn 500 m³/ngày (24 giờ) **không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ và sẽ không phải lập chương trình quan trắc nước thải định kỳ** trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

b. Hoạt động quan trắc khác:*** Quan trắc tiếng ồn:**

- Vị trí: 01 điểm tại khu vực phía trước cơ sở (T.O);
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

*** Quan trắc CTRSH, CTCNTT và CTNH:**

- Theo dõi về thành phần, khối lượng phát sinh của CTRSH, CTCNTT và CTNH tại các khu vực chứa của từng loại;
- Tổng hợp kết quả và báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 01 năm/lần.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chương trình quan trắc môi trường hàng năm sẽ do công ty thực hiện và chi trả chi phí. Dự toán chi phí khoảng 10.000.000 đồng (chi phí này chưa gồm các chi phí khác có liên quan trong hoạt động quan trắc định kỳ).

Chương VII**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ****7.1. Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT của cơ sở:**

Trong năm 2022, cơ sở có tiếp đón 01 đoàn kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về BVMT của cơ sở. Một số nội dung còn tồn tại, hạn chế cần được khắc phục như sau:

- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện theo quy định;
- Có biện pháp xử lý nước mưa nhiễm dầu;
- Phân loại, xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại phía sau cơ sở và có biện pháp quản lý, xử lý CTNH phát sinh theo quy định;
- Có biện pháp hạn chế mùi hôi trong quá trình sơn sửa xe;
- Có biện pháp quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

7.2. Biện pháp khắc phục:

Qua kết quả kiểm tra, chủ cơ sở tiến hành khắc phục những nội dung còn tồn tại như sau:

- Lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện gửi về UBND huyện Châu Thành xem xét và cấp phép theo quy định.
- Xây dựng đường rãnh thu gom và hố ga thoát nước mưa, các thùng nhớt được bố trí lại trong khu vực có mái che, nâng nền khu vực chứa nhớt, hạn chế nhớt rơi vãi xuống nền đất trong quá trình chiết rót và không để nước mưa chảy tràn qua các khu vực này;
 - Bố trí khu vực sơn xe riêng biệt, thông thoáng;
 - Tiến hành dọn dẹp, thu gom và phân loại rác thải phía sau cơ sở, bố trí thùng chứa và khu vực chứa CTNH theo quy định.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành xin cam kết:

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo này đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở;
- Cam kết thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc chủ sở hữu đất thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với loại hình hoạt động của cơ sở;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2100323054

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 05 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 30 tháng 09 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU THANH CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY XÂY DỰNG PHÚ THÀNH

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 02, Phan Đình Phùng, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0294.3867117

Fax: 0294.3867717

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.550.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VŨ LANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 21/05/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 334655422

Ngày cấp: 16/01/2017

Nơi cấp: Công an Trà Vinh

Địa chỉ thường trú: *Số 110/61A Phạm Ngũ Lão, Khóm 3, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 110/61A Phạm Ngũ Lão, Khóm 3, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

* Họ và tên: NGUYỄN TẤN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 334849531

Ngày cấp: 07/11/2017

Nơi cấp: Công an Trà Vinh

Địa chỉ thường trú: Số 110/61A Phạm Ngũ Lão, Khóm 3, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 110/61A Phạm Ngũ Lão, Khóm 3, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam



Lê Thanh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001
Cấp ngày 16 tháng 10 năm 2015

1. Tên địa điểm kinh doanh:

NHÀ XƯỞNG - KHO BÃI THIẾT BỊ PHÚ THÀNH

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Áp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0743.867117

Fax: 0743.867717

Email: phuthanh1234@yahoo.com.vn Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC ĐẠT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 331237660

Ngày cấp: 10/03/2004

Nơi cấp: CA tỉnh Trà Vinh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Mái Dầm, Xã Phú Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Mái Dầm, Xã Phú Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp/chỉ nhánh

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ THÀNH

Mã số doanh nghiệp: 2100323054

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, Phan Đình Phùng, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam



Nguyễn Hoàng Đế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 01 tháng 11 năm 2019

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Căn cứ bộ luật dân sự năm 2005 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ nhu cầu thực tế của các bên

Hôm nay ngày 01 tháng 11 năm 2019 chúng tôi gồm có các bên:

Bên cho thuê (sau đây gọi là bên A)

Ông: **HUỖNH VĂN NHÂN**

Sinh năm: 1964

Chứng minh thư nhân dân: 334381141 cấp ngày 18/5/2012 tại Công an tỉnh Trà Vinh

Và Vợ là bà: **TRẦN THỊ NGỌC ĐIỆP**

Sinh năm: 1964

Chứng minh thư nhân dân: 334381142 cấp ngày 18/5/2012 tại Công An tỉnh Trà Vinh

Cùng cư ngụ: Ấp Tri Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 01677510999

Bên thuê (sau đây gọi là bên B)

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ THÀNH

Người đại diện: ông **NGUYỄN VŨ LANG**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943.867117

Fax: 02943.867717

Mã số thuế: 2100323054

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất theo các thoả thuận sau đây:

ĐIỀU 1
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

* Thửa đất số: 154

- Tờ bản đồ số: 7

- Địa chỉ thửa đất: Tại ấp Tri Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- Diện tích: 1.160 m² (bằng chữ: Một ngàn, một trăm sáu mươi mét vuông)


- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 1.160 m²

+ Sử dụng chung: không m²

- Mục đích sử dụng: Trồng màu

- Thời hạn sử dụng: Ổn định

 Nguyễn Vũ Lang

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất của Hợp đồng này là 5 năm, kể từ ngày 01/11/2019 đến ngày 01/11/2024.

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Làm bãi tập kết vật liệu xây dựng và trung chuyển vật liệu xây dựng, lắp đặt cần cầu bánh xích để bốc vỡ vật liệu xây dựng lên xe trung chuyển, xây dựng nhà xưởng sản xuất thép, nhà kho, bãi chứa thiết bị, kho bãi sửa chữa xe thiết bị cơ giới.....

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê toàn bộ quyền sử dụng đất là : **14.000.000** đồng/tháng (bằng chữ: mười bốn triệu đồng).

2. Phương thức thanh toán như sau: Bên B thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất cho bên A trước 1 năm kể từ ngày bàn giao đất và quyền sử dụng đất với số tiền tương đương với 12 tháng với số tiền cụ thể:

1 năm = 12 tháng x 14.000.000 = **168.000.000** đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng)

Các năm còn lại cứ vào ngày 01 tháng 11 hàng năm bên B sẽ thanh toán tiền cho bên A với số tiền cụ thể là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng); Tức là thanh toán trước tiền thuê đất 1 năm cho bên A.

3. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm Hợp đồng được ký kết.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

Tham Jun

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
 - Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
 - Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thoả thuận;
 - Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;
 - Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
 - Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;
2. Bên B có các quyền sau đây:
 - Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận;
 - Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;
 - Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7

VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên thuê chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

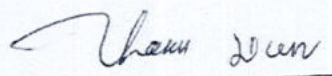
Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan
 - 1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
 - 1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - a) Thửa đất không có tranh chấp;
 - b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;



1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

1.6 Không được bán hoặc tự ý cho bên thứ 3 thuê khi thời hạn thuê đất vẫn còn hiệu lực.

1.7 Trong trường hợp sau khi hết thời hạn thuê đất là 5 năm; Nếu bên B có yêu cầu gia hạn thời gian thuê và được sự chấp thuận của bên A thì giá cho thuê sẽ được hai bên bàn bạc thống nhất giá thuê lại tại thời điểm đó.

2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10 ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)

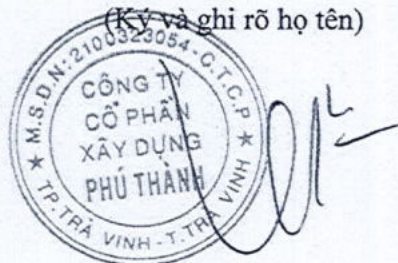
Nguyễn Văn Toàn
Nguyễn Văn Toàn

Đun

Trần Thị Ngọc Diệp

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Châu Thành

CHỨNG NHẬN

Họ *Huyền Văn Nhân*, Sinh năm *1964*
Trú quán: ấp *Trì Phong* - Xã *Hòa Lợi* - Huyện *Châu Thành*

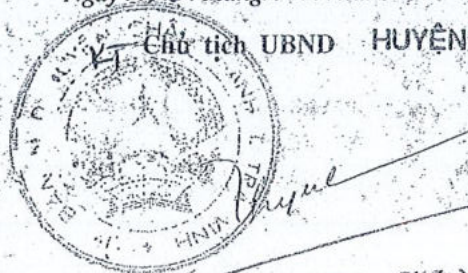
Được quyền sử dụng *1.160* m² đất.

Tại: *Xã Hòa Thuận*
..... *Huyện Châu Thành*
..... *Tỉnh Trà Vinh*

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phân ghi thêm
<i>7</i>	<i>154</i>	<i>1.160</i>	<i>Trồng màu</i>	<i>Ổn định</i>	 <i>Xây dựng bản đồ địa chính chính quy sẽ được kiểm tra lại diện tích đất</i>

Ngày *15* tháng *6*... năm *1998*



Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số *QSDĐ/22200/UBH*

Lâm Thị Bích Huyền

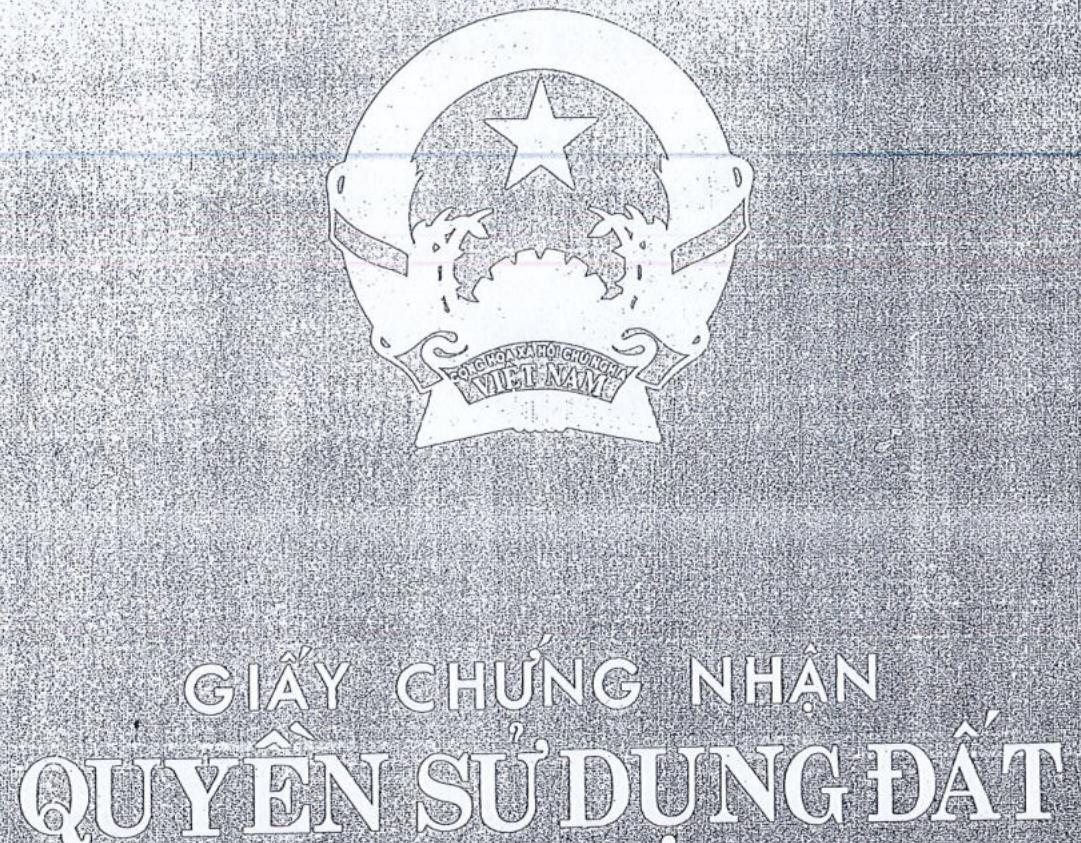
CT014352

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.



Số M 472346

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH
ĐOÀN KIỂM TRA
(Theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND
ngày 25/7/2022 của UBND huyện)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 08 tháng 11 năm 2022

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành tiến hành kiểm tra thực tế tại dự án/cơ sở:.....Nhà Xưởng, kho bãi, bãi đất.....

Phai Thành.....

- Thời gian: từ 14 giờ ... phút, ngày 08 tháng 11 năm 2022
- Địa điểm: Ấp Phú Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, N

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1.1. Thành viên có mặt:

- | | |
|----------------------------|---------------------------------|
| Ông/bà: Nguyễn Trọng Khâm | Chức danh: Trưởng Đoàn kiểm tra |
| Ông/bà: Nguyễn Quốc Chính | Chức danh: Thành viên |
| Ông/bà: Nguyễn Thanh Phong | Chức danh: Thành viên |
| Ông/bà: Thạch Trúc Van | Chức danh: Thành viên |
| Ông/bà: Lê Hoa Nam | Chức danh: Thành viên |
| Ông/bà: Nguyễn Hoàng Huân | Chức danh: Thành viên |

Ông/bà: Nguyễn Phú Tiến..... Chức danh: Công an huyện.....

Ông/bà: Phạm Sĩ Chí Linh..... Chức danh: Giám đốc Ấp Phú Phong.....

1.2. Thành viên vắng mặt:

Ông/bà:..... Chức danh:.....

Lý do vắng mặt:

Ông/bà:..... Chức danh:.....

Lý do vắng mặt:

II. Đại diện chủ dự án/cơ sở:

Ông Nguyễn Duy Thành, Phó Giám đốc Công ty Phai Thành.....

- Với sự tham gia của:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với chủ dự án/cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

III. Kết quả kiểm tra:

1. Thông tin dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Dinh Xương - Nhà hàng thiết bị phục vụ khách

Địa chỉ trụ sở: Ấp Phú Hưng, xã Phú Hưng

SĐT liên hệ chủ dự án/chủ cơ sở: Nguyễn Ngọc Đạt 09096 35111

Tổng mức đầu tư: 05 tỷ đồng.

Loại hình hoạt động: nhà hàng, quán cafe, bar

Quy mô, công suất: 100 phòng ăn, 50 phòng họp

Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Đã có hồ sơ, giấy phép môi trường: Chưa có hồ sơ môi trường

ở xã Phú Hưng, huyện Phú Hưng

Diện tích đất sử dụng: 12.000m², số thửa....., tờ bản đồ.....

Hình thức (thuê/đất nhà): Đất thuê

Số lượng công nhân hiện tại: 07 người.

Tình trạng hoạt động của cơ sở:

+ Chưa hoạt động, đang thi công xây dựng:

+ Đang hoạt động: ✓

Thời gian vào hoạt động: từ tháng..... năm 2015.. đến nay.

2. Xử lý nước thải:

Nước mưa chảy tràn (có hay không có thu gom vào hệ thống thu gom): Thu gom vào bể lọc và xả qua bể gas hoạt động

Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng phát sinh: 2 m³/ngày đêm; biện pháp xử lý (có hay không có qua hầm tự hoại?): ✓; thể tích hầm tự hoại: 4 m³. Định kỳ thuê hút

hầm/hầm tự thấm hay có điểm xả ra nguồn tiếp nhận nước thải:.....

Nước thải sản xuất (nếu có):

Tổng lượng phát sinh:m³/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có xử lý):.....; công suất hệ thống/công trình xử lý nước thải:m³/ngày.đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:.....*không phát sinh*.....

Nguồn tiếp nhận nước thải:

3. Xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Nguồn phát sinh:.....*Từ sản xuất gỗ, xe máy, cơ khí*.....

Bụi:.....*không phát sinh*.....

Khói, khí thải:.....*không phát sinh*.....

Mùi hôi:.....*Từ sản xuất*.....

4. Tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh:.....*Đi sản xuất xe*.....

Xử lý/giảm thiểu:.....*Có xây hệ thống*.....

Hoạt động ban đêm (có hay không có):.....*không*.....

Thời gian hoạt động trong ngày:.....*7h sáng - 17h chiều*.....

5. Thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng phát sinh :*0,5*kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định hoặc xử lý theo biện pháp khác):.....*thực hiện theo quy định*.....

- Chất thải rắn công nghiệp:

Lượng phát sinh :*3000*kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....*Có hợp đồng đơn vị có đầy đủ xử lý theo quy định*.....

6. Thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chủng loại: Bóng đèn thải /dầu thải /pin thải / mạch điện tử /khác

Lượng phát sinh :*400*kg/năm. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....*ban cho cấp ủy xử lý*.....

Kho lưu giữ (có hay không có):.....*không*..... Diện tích:.....m².

7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

HỒN
NGUY
VÀ
ĐI TRÚC

IV. Ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra:

V. Kết luận:

Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT, xác định dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
Dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đăng ký môi trường tại UBND cấp xã:

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại dự án/cơ sở:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định.
- Có biện pháp xử lý nước thải như sau:
- phân loại, xử lý đồng xử công trình, ứng dụng phân bón có lợi.
- Không hoạt động ban đêm.
- Có biện pháp hạn chế mùi hôi trong quá trình sản xuất chế biến.
- Có biện pháp quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.
- Thời gian khai thác trong vòng 30 ngày kể từ khi có mặt ekip vận hành từ từ ngày lập hồ sơ khai thác.

VI. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

Đồng nhất theo biên bản

Biên bản được lập vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, chủ dự án/cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./.


ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN/
CƠ SỞ

THƯ KÝ ĐOÀN

TRƯỞNG ĐOÀN

[Signature]
Đào Đức Thành

[Signature]
Nguyễn Quốc Chính
THÀNH VIÊN THAM GIA

[Signature]
Nguyễn Trọng Khảm


[Signature]
Phạm Sĩ Chí Linh

[Signature]
Nguyễn Phương Điền

[Signature]


PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số
 Trang:

1. Nơi Y/C lấy mẫu: Công ty TNHH Địa Chất và Môi Trường Đất Việt 2. Địa chỉ: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. TV, tỉnh Trà Vinh

3. Mục đích lấy mẫu: Khách hàng; Chương trình GS

5. Chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số:

6. Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ ...h...đến ...h...đến ... ngày .../.../2022 tại Xưởng sửa chữa Phú Thành - Đường Nguyễn Thiện Thành, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh - Công ty cổ phần xây dựng Phú Thành

7. Thiết bị quan trắc: Máy ồn Rion NL21, 42; Máy thu bụi HI-Q; Máy thu mẫu khí SKC; Máy Exttech SD700; Testo 340, 350; Tecora G4; GPS Garmin, Máy đo HandyLap 100 200; Máy đo DO-HQ40D; Máy đo độ đục; Thiết bị đo lưu tốc; Dụng cụ thu mẫu nước; Dụng cụ thu mẫu đất; TB khác

8. Điều kiện lấy mẫu: + Đặc điểm thời tiết: Trời nắng; Trời mưa; Nước lớn; Nước ròng; Đặc điểm khác:
 + Điều kiện sản xuất: Hoạt động bình thường; Ngừng hoạt động; Điều kiện khác:

STT	Tên mẫu/Kí hiệu	Vị trí thu mẫu	Tọa độ địa lý	Độ ồn	Vận tốc nước	H D (m)	Áp suất	Nhiệt độ	Độ ẩm	Độ rung	TDS	pH	DO	Độ đục	EC	Độ mặn	ORP	Ánh sáng	Tốc độ gió	
1	Không khí 1	Mẫu bên trong xưởng sửa chữa	10° 52' 11" N 106° 21' 36" E	71,6			1022,1	32,8	61,2											
2	Không khí 2	Trước công cơ sở (trên đường Nguyễn Thiện Thành)	10° 52' 31" N 106° 21' 36" E	68,4			1022,2	32,5	53,0											
3	Nước mặt	kênh Cầu Bàn	10° 52' 11" N 106° 21' 36" E	67,4			1022,2	32,5	53,0			7,26								
4												7,27								
5												7,28								

8. Lưu lượng, thời gian thu mẫu: SO₂: 1L/p; 30 phút; NO₂: 0,5L/p; 30 phút; NH₃: 0,5L/p; 30 phút; H₂S: 1L/p; 40 phút; HF: 1L/p; 20 phút; VOC, C_nH_m: 0,2L/p; 25 phút; Cl₂: 1L/p; 30 phút; Bụi chì: 100L/p; 20 phút; CH₃SH, Naphthalene: 0,2L/p; 50 phút; H₂SO₄, H₃PO₄: 1,5L/p; 20 phút; HCl, HBr, HNO₃: 2L/p; 20 phút; Xyanua: 1L/p; 2 giờ; Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút; Cloroform: 0,2L/p; 20 phút; Asen: 2L/p; 4 giờ; Thủy ngân: 0,2L/p; 20 phút; Kim loại: 2L/p; 20 phút; Phenol: 0,1L/p; 20 phút; O₃: 3L/p; 30p

Quan trắc viên:
 Trưởng nhóm quan trắc:
 Đại diện cơ sở:
 Chữ ký:
 Họ và tên:
 Chức vụ:
 T/1, Lân BH: 01.18 (26/10/2018)



Số: 7746/MT/2120/1122

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Ngày: 29/11/2022
 Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 1 (Mẫu bên trong xưởng sửa chữa)
 Tọa độ: 9°55'29,70"/106°21'36,43"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 17/11/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được hấp thụ bằng dung dịch và đo tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/11/2022 đến 27/11/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 2120
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 13h30 - 14h15 ngày 17/11/2022 tại Xưởng sửa chữa Phú Thành - Công ty Cổ phần xây dựng Phú Thành (Đường Nguyễn Thiện Thành, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-1:2010	71,6
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	34,34
3	Hàm lượng SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	85,42
4	Hàm lượng NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137: 2009	81,05
5	Hàm lượng CO	µg/m ³	HD 15 - MT-3.7.2	4.218

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Tâm

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 7747/MT/2120/1122

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)⁽¹⁾

Ngày: 29/11/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 2 (Trước công cơ sở, trên đường Nguyễn Thiện Thành)
Tọa độ: 9°55'31,09"/106°21'36,83"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 17/11/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được hấp thụ bằng dung dịch và đo tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/11/2022 đến 27/11/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 2120
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 13h30 - 14h15 ngày 17/11/2022 tại Xưởng sửa chữa Phú Thành - Công ty Cổ phần xây dựng Phú Thành (Đường Nguyễn Thiện Thành, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-1:2010	68,4
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	22,94
3	Hàm lượng SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	80,98
4	Hàm lượng NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137: 2009	77,40
5	Hàm lượng CO	µg/m ³	HD 15 - MT-3.7.2	3.862

Ghi chú: ⁽¹⁾ được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Tâm

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 019

(Cấp lần 04)

Tên tổ chức:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ

Trụ sở chính:

Số 45 đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều,
thành phố Cần Thơ

Quyết định số 2376 /QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc về việc chứng
nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ
quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Huỳnh Nguyễn Bảo Loan Chức vụ: Giám đốc
CCCD số 092174002346 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và
DLQG về dân cư cấp ngày 21 tháng 8 năm 2018

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 26 tháng 10 năm 2020

Đến ngày 25 tháng 10 năm 2023

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

- | | | |
|-------------------------|----------------------|---------------------------------|
| 1. Nước: | Lấy mẫu: 04 thông số | Đo tại hiện trường: 10 thông số |
| - Nước mặt: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 08 thông số |
| - Nước dưới đất: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 04 thông số |
| - Nước mưa: | Lấy mẫu: 03 thông số | Đo tại hiện trường: 08 thông số |
| - Nước biển: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 05 thông số |
| 2. Khí | Lấy mẫu: 31 thông số | Đo tại hiện trường: 06 thông số |
| - Không khí xung quanh: | Lấy mẫu: 29 thông số | Đo tại hiện trường: 11 thông số |
| - Khí thải: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 3. Đất: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 4. Trầm tích: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 5. Bùn thải: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 6. Chất thải rắn: | Lấy mẫu: 01 thông số | |

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

- | | |
|-------------------------|-------------|
| 1. Nước: | 41 thông số |
| - Nước mặt: | 44 thông số |
| - Nước dưới đất: | 11 thông số |
| - Nước mưa: | 27 thông số |
| - Nước biển: | 41 thông số |
| 2. Khí: | 26 thông số |
| - Không khí xung quanh: | 25 thông số |
| - Khí thải: | 17 thông số |
| 3. Đất: | 11 thông số |
| 4. Trầm tích: | 15 thông số |
| 5. Bùn thải: | 15 thông số |
| 6. Chất thải rắn: | |

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
VĨNH TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Số: 2376 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung



tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với đối với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ", địa chỉ tại Số 45 đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 019/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 019) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT Cần Thơ;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 0...2...7.5 Quyền số 01
Ngày 02-02-2021

KÊ BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



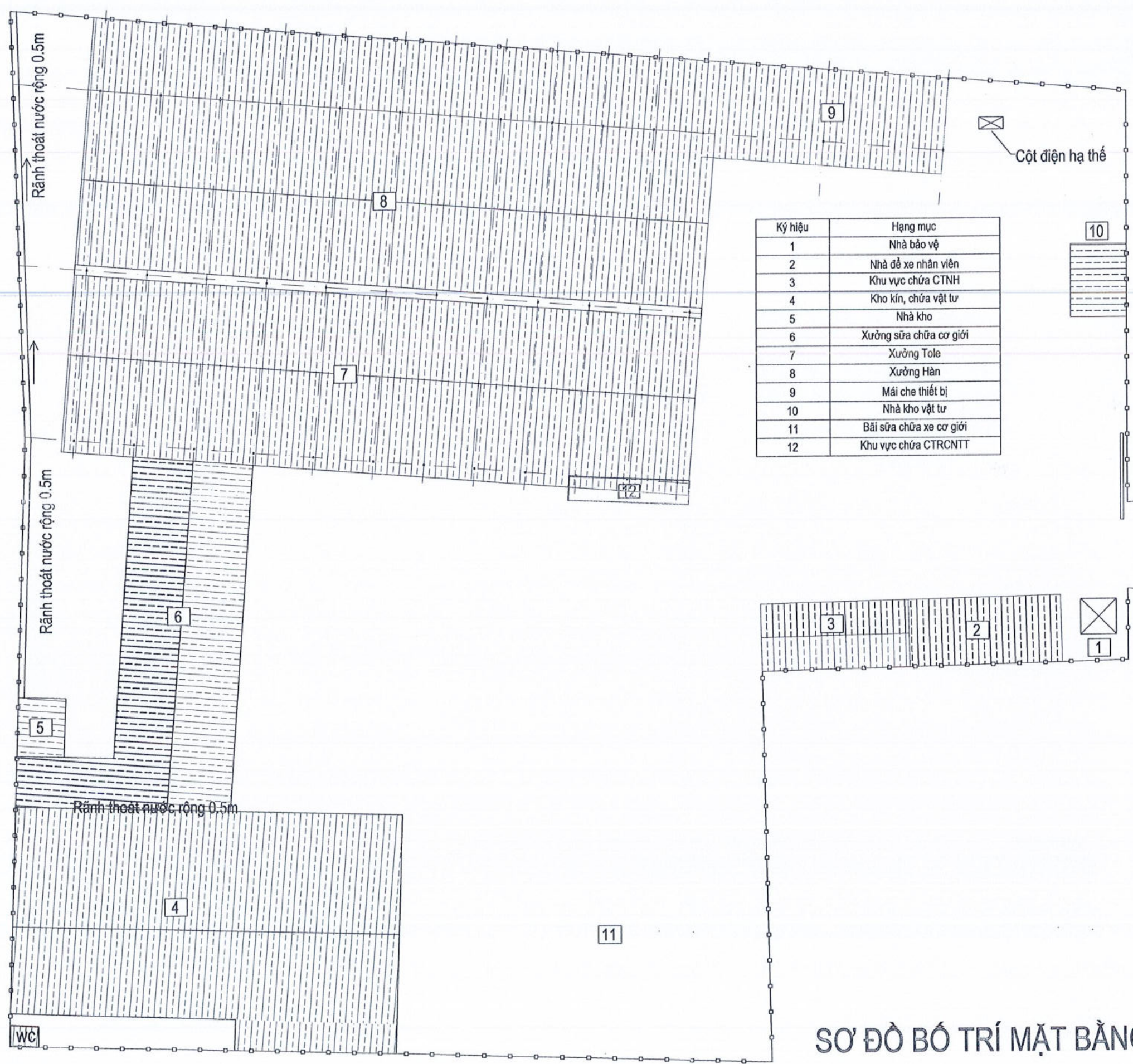
CHỦ TỊCH



Võ Tuấn Nhân

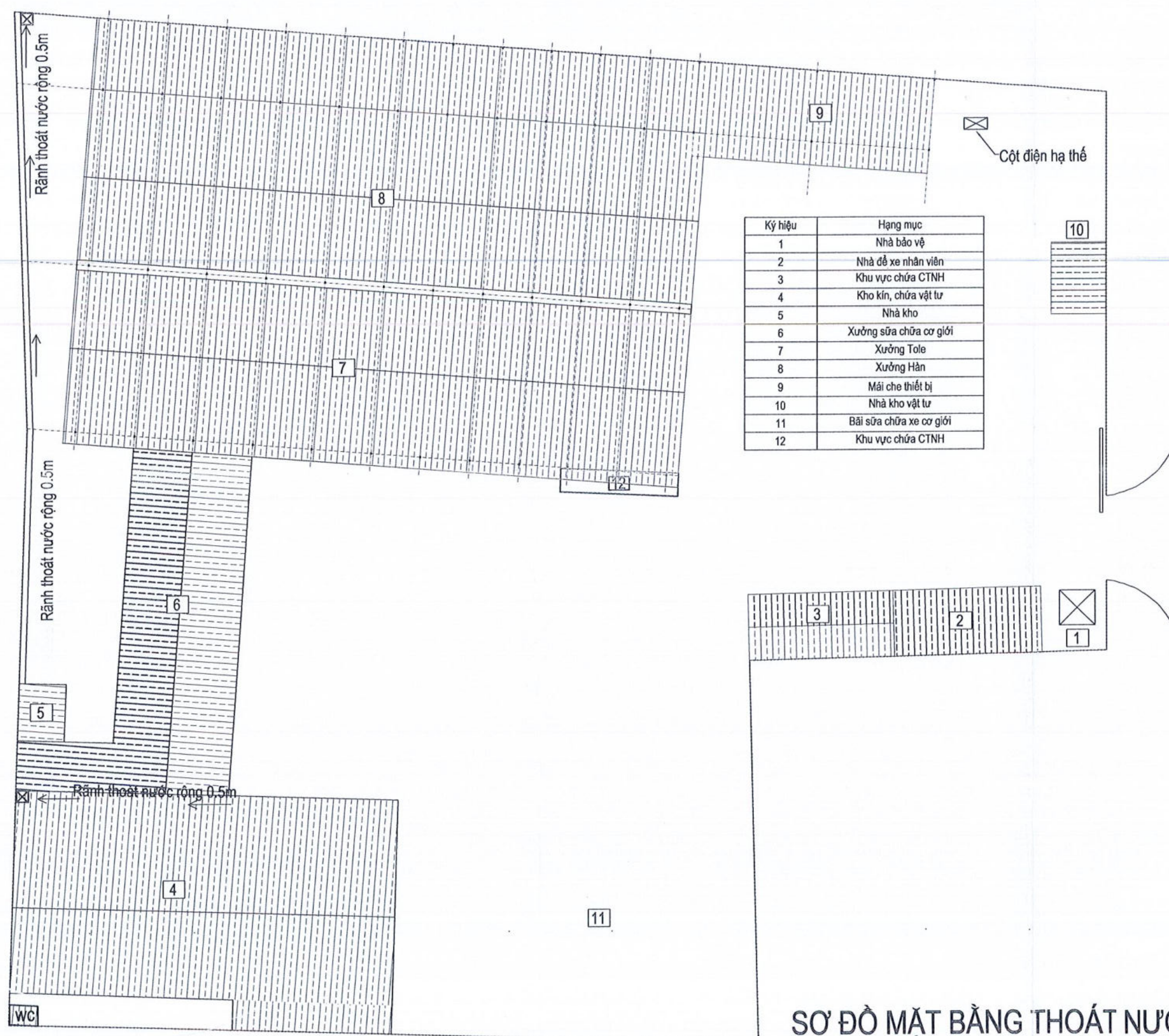
Trần Hồng Tuyết Trần

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

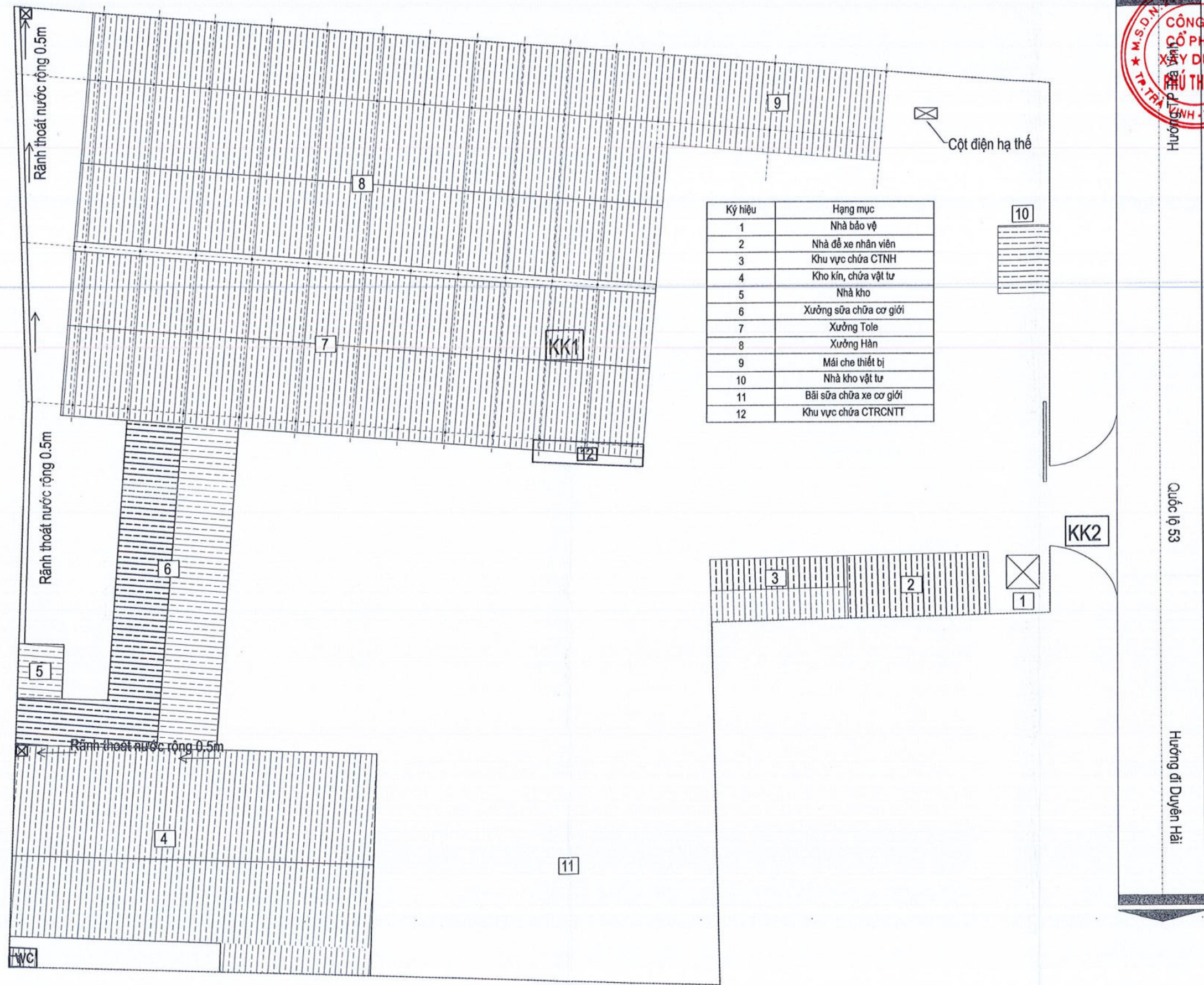


Ký hiệu	Hạng mục
1	Nhà bảo vệ
2	Nhà để xe nhân viên
3	Khu vực chứa CTNH
4	Kho kín, chứa vật tư
5	Nhà kho
6	Xưởng sửa chữa cơ giới
7	Xưởng Tole
8	Xưởng Hàn
9	Mái che thiết bị
10	Nhà kho vật tư
11	Bãi sửa chữa xe cơ giới
12	Khu vực chứa CTRCNTT

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ MẶT BẰNG TỔNG THỂ



SƠ ĐỒ MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

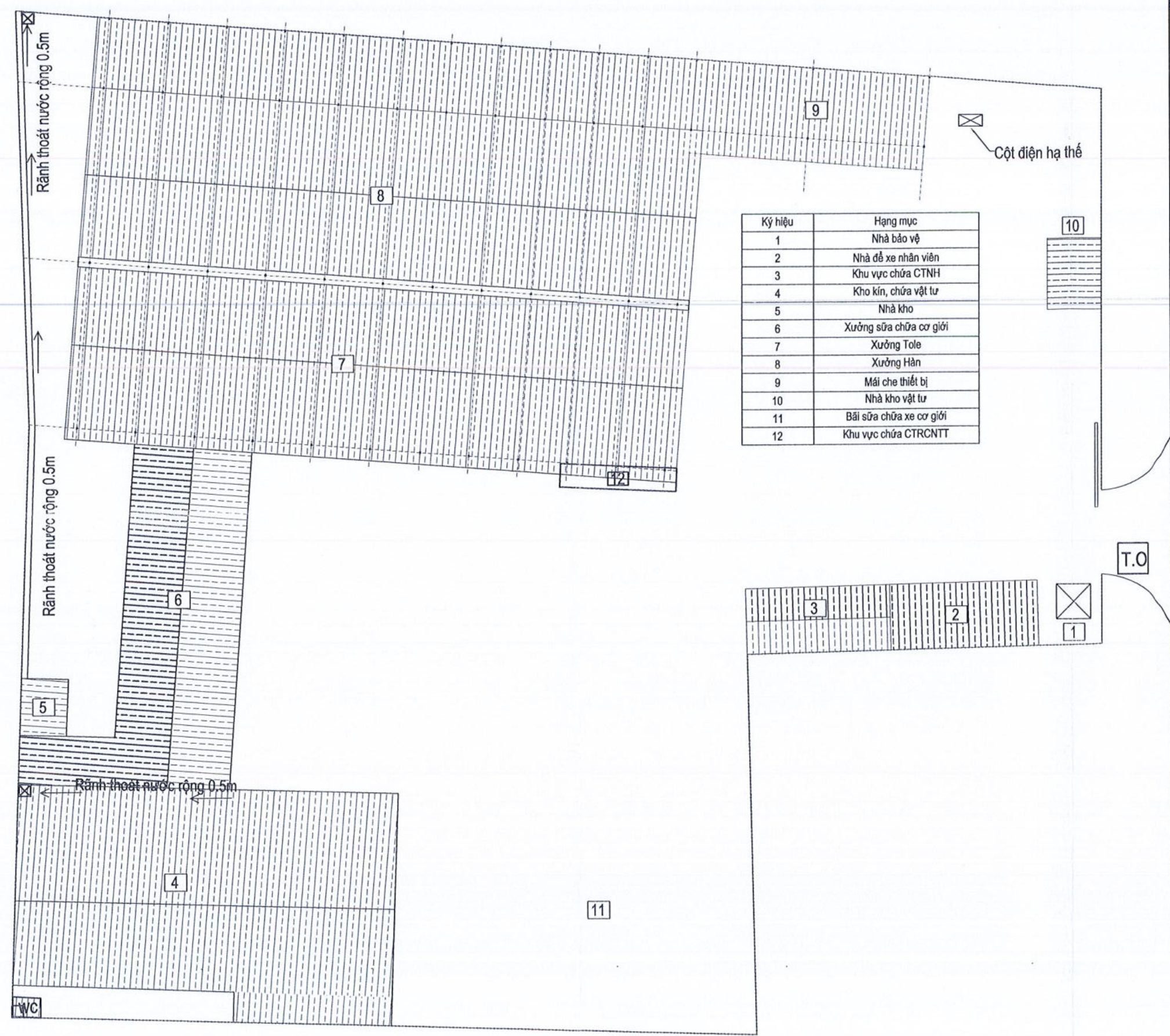


Ký hiệu	Hạng mục
1	Nhà bảo vệ
2	Nhà để xe nhân viên
3	Khu vực chứa CTNH
4	Kho kín, chứa vật tư
5	Nhà kho
6	Xưởng sửa chữa cơ giới
7	Xưởng Tole
8	Xưởng Hàn
9	Mái che thiết bị
10	Nhà kho vật tư
11	Bãi sửa chữa xe cơ giới
12	Khu vực chứa CTCNTT



VỊ TRÍ THU MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO

- Ghi chú:
- KK1: Vị trí thu mẫu không khí và tiếng ồn bên trong xưởng sửa chữa.
 - KK2: Vị trí thu mẫu không khí xung quanh và tiếng ồn, khu vực trước cổng cơ sở.



SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Ghi chú: T.O - Vị trí quan trắc thông số tiếng ồn